

THÔNG BÁO

Về việc mời cung cấp báo giá phục vụ khảo sát, xác định giá dự kiến gói thầu may trang phục y tế, trang phục người bệnh và đồ vải năm 2026 - 2027

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 và các Luật sửa đổi, bổ sung có liên quan;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Kế hoạch số 1008/KH-TTYTTH ngày 04 tháng 9 năm 2026 của Trung tâm Y tế khu vực Tân Hồng về xác định nhu cầu mua sắm gói thầu may trang phục y tế, trang phục người bệnh và đồ vải năm 2026 - 2027; và Biên bản họp Hội đồng tư vấn mua sắm ngày 04 tháng 9 năm 2026;

Trung tâm Y tế khu vực Tân Hồng thông báo mời các đơn vị có khả năng cung cấp hàng hóa quan tâm cung cấp báo giá để Trung tâm khảo sát, tham khảo mặt bằng giá và xác định giá dự kiến cho gói thầu nêu trên, với các nội dung sau:

1. Nội dung yêu cầu báo giá

Đề nghị đơn vị báo giá toàn bộ danh mục hàng hóa theo Phụ lục kèm theo Thông báo này, bảo đảm đáp ứng đúng quy cách, thông số và yêu cầu kỹ thuật nêu trong danh mục.

2. Danh mục, số lượng và yêu cầu kỹ thuật

Danh mục, số lượng, quy cách và yêu cầu kỹ thuật được thực hiện theo Phụ lục “Danh mục yêu cầu báo giá” kèm theo. Các yêu cầu kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở nhu cầu sử dụng thực tế và đã được Hội đồng tư vấn mua sắm của Trung tâm xem xét, thống nhất thông qua.

3. Yêu cầu đối với hồ sơ gửi báo giá

- Báo giá có chữ ký của người có thẩm quyền; có đóng dấu của đơn vị (nếu có), ghi rõ đơn giá, tổng giá trị, thuế giá trị gia tăng (nếu có), chi phí vận chuyển, giao hàng và các chi phí liên quan; báo giá phải thể hiện rõ hàng hóa cung cấp đáp ứng danh mục và yêu cầu kỹ thuật kèm theo.

- Kèm theo báo giá là Phiếu kết quả thử nghiệm, giấy chứng nhận kiểm định hoặc tài liệu tương đương về chất liệu vải do tổ chức có chức năng, năng lực phù

hợp thực hiện/cấp. Tài liệu phải xác định được loại/mã mẫu vải và các chỉ tiêu chất liệu tương ứng với quy cách, thông số kỹ thuật tại Phụ lục.

- Kèm theo hồ sơ báo giá 01 mẫu vải thực tế đại diện cho từng loại chất liệu chào giá, có ghi rõ loại/mã chất liệu (nếu có), để Trung tâm đối chiếu với báo giá và tài liệu chất lượng.

4. Hình thức và địa chỉ tiếp nhận

- Gửi trực tiếp về Phòng Tổ chức - Hành chính, Trung tâm Y tế khu vực Tân Hồng, địa chỉ: số 09, đường Trần Phú, ấp 3, xã Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (qua ông Đoàn Xuân Thành, Phó Trưởng phòng TC-HC).

- Hoặc gửi qua email: xuanthanhdoan@gmail.com (file PDF hoặc bản scan có ký, đóng dấu).

5. Thời gian tiếp nhận báo giá

Từ ngày 07/9/2026 đến trước 17 giờ 00 phút, ngày 11/9/2026.

6. Lưu ý:

- Báo giá được sử dụng để khảo sát, tham khảo mặt bằng giá và xác định giá dự kiến phục vụ lập, trình phê duyệt nhiệm vụ và dự toán; không phải là hồ sơ dự thầu và không làm phát sinh cam kết lựa chọn nhà cung cấp/nhà thầu.

- Trung tâm Y tế khuyến khích các đơn vị có năng lực cung ứng thực tế, hàng hóa có nguồn gốc, chất lượng rõ ràng cung cấp báo giá đầy đủ, trung thực và đúng yêu cầu; Trung tâm Y tế có thể yêu cầu đơn vị làm rõ thông tin, giá và tài liệu kèm theo khi cần thiết.

- Các báo giá không đủ thông tin để đối chiếu hàng hóa, quy cách, yêu cầu kỹ thuật hoặc không có tài liệu chứng minh chất liệu theo yêu cầu sẽ không được sử dụng làm căn cứ xác định giá dự kiến.

Trung tâm Y tế khu vực Tân Hồng trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Các đơn vị cung cấp hàng hóa có liên quan;
- Website TTYT;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, TCHC.

GIÁM ĐỐC

Lưu Thanh Tùng

PHỤ LỤC
DANH MỤC YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kèm theo Thông báo số /TB-TTYTTH ngày 7/9/2026 của Trung tâm Y tế khu vực Tân Hồng

STT	Tên hàng hóa	Quy cách, thông số và yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Trang phục Bác sĩ, Dược sĩ nam	* Mô tả: Theo thông tư của bộ y tế * Chất liệu: Áo: Kate Mỹ; Quần: Kaki không thun. * Màu sắc: Trắng * Kích thước: Theo size Bệnh viện * Logo: In logo Bệnh viện Kate mỹ, màu trắng - Khối lượng vải (g/m ²): 117.0 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 281 ±2 và Ngang: 249 ±2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 19.0 ±2 và Ngang: 11.0 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): Dọc: -3.5 ±2 và Ngang: -4.7 ±2 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 83.0 ±2 và Rayon: 17.0 ±2 Kaki không thun, màu trắng - Khối lượng vải (g/m ²): 229.0 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 421 ±2 và Ngang: 212 ±2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 37.0 ±2 và Ngang: 47.0 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): Dọc: -3.6 ±0.5 và Ngang: +0.2 ±0.5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 78.0 ±2 và Cotton: 22.0 ±2	Bộ	86
3	Trang phục Bác sĩ, Dược sĩ nữ	* Mô tả: Theo thông tư của bộ y tế * Chất liệu: Áo: Kate Mỹ; Quần: Kaki thun * Màu sắc: Trắng * Kích thước: Theo size Bệnh viện * Logo: In logo Bệnh viện Kate mỹ, màu trắng - Khối lượng vải (g/m ²): 117.0 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 281 ±2 và Ngang: 249 ±2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 19.0 ±2 và Ngang: 11.0 ±2	Bộ	66

STT	Tên hàng hóa	Quy cách, thông số và yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): Dọc: -3.5 ± 2 và Ngang: -4.7 ± 2 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 83.0 ± 2 và Rayon: 17.0 ± 2 - Kaki thun, màu trắng - Khối lượng vải (g/m²): 251.0 ± 2 - Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 466 ± 2 và Ngang: 340 ± 2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 83.0 ± 2 và Ngang: 147.0 ± 2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): Dọc: -0.9 ± 0.5 và Ngang: -0.3 ± 0.5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 74.0 ± 2; Rayon: 23.0 ± 2 và Spandex: 3.0 ± 2		
4	Trang phục điều dưỡng, kỹ thuật viên, y sĩ, hộ sinh nam	* Mô tả: Theo thông tư của bộ y tế * Chất liệu: Áo: Kate Mỹ; Quần: Kaki không thun * Màu sắc: Trắng * Kích thước: Theo size Bệnh viện * Logo: In logo Bệnh viện - Kate mỹ, màu trắng - Khối lượng vải (g/m²): 117.0 ± 2 - Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 281 ± 2 và Ngang: 249 ± 2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 19.0 ± 2 và Ngang: 11.0 ± 2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): Dọc: -3.5 ± 2 và Ngang: -4.7 ± 2 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 83.0 ± 2 và Rayon: 17.0 ± 2 - Kaki không thun, màu trắng - Khối lượng vải (g/m²): 229.0 ± 2 - Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 421 ± 2 và Ngang: 212 ± 2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 37.0 ± 2 và Ngang: 47.0 ± 2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): Dọc: -3.6 ± 0.5 và Ngang: $+0.2 \pm 0.5$ - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 78.0 ± 2 và Cotton: 22.0 ± 2	Bộ	64
2	Trang phục điều dưỡng, kỹ thuật viên, y	* Mô tả: Theo thông tư của bộ y tế * Chất liệu: Áo: Kate Mỹ; Quần: Kaki thun	Bộ	149

STT	Tên hàng hóa	Quy cách, thông số và yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	sĩ, hộ sinh nữ	* Màu sắc: Trắng * Kích thước: Theo size Bệnh viện * Logo: In logo Bệnh viện Kate Mỹ, màu trắng - Khối lượng vải (g/m2): 117.0 ± 2 - Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 281 ± 2 và Ngang: 249 ± 2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 19.0 ± 2 và Ngang: 11.0 ± 2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): Dọc: -3.5 ± 2 và Ngang: -4.7 ± 2 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 83.0 ± 2 và Rayon: 17.0 ± 2 Kaki thun, màu trắng - Khối lượng vải (g/m2): 251.0 ± 2 - Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 466 ± 2 và Ngang: 340 ± 2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 83.0 ± 2 và Ngang: 147.0 ± 2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): Dọc: -0.9 ± 0.5 và Ngang: -0.3 ± 0.5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 74.0 ± 2; Rayon: 23.0 ± 2 và Spandex: 3.0 ± 2		
9	Trang phục điện nước	* Mô tả: Theo thông tư của bộ y tế * Chất liệu: Áo: Kate Mỹ; Quần: Kaki thun * Màu sắc: Áo: xanh dương; Quần: đen/xanh đen * Kích thước: Theo size Bệnh viện * Logo: In logo Bệnh viện Kate Mỹ, màu xanh dương - Khối lượng vải (g/m2): 123.0 ± 2 - Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 371 ± 2 và Ngang: 335 ± 2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 18.0 ± 2 và Ngang: 17.0 ± 2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): Dọc: -0.6 ± 0.5 và Ngang: -0.1 ± 0.5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 82.0 ± 2 và Rayon: 18.0 ± 2 Kaki thun, màu đen/ xanh đen - Khối lượng vải (g/m2): 255.0 ± 2 - Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 484 ± 2 và Ngang: 366 ± 2	Bộ	10

STT	Tên hàng hóa	Quy cách, thông số và yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Độ bền xé rách (N): Dọc: 62.0 ± 2 và Ngang: 41.0 ± 2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): Dọc: -1.6 ± 0.5 và Ngang: -0.3 ± 0.5" - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 73.0 ± 2; Rayon: 24.0 ± 2 và Spandex: 3.0 ± 2		
7	Trang phục bảo vệ	* Mô tả: Theo thông tư của bộ y tế * Chất liệu: Áo: Kate Mỹ; Quần: Kaki thun * Màu sắc: Áo: xanh dương; Quần: đen/xanh đen * Kích thước: Theo size Bệnh viện * Logo: In logo Bệnh viện Kate mỹ, màu xanh dương - Khối lượng vải (g/m2): 123.0 ± 2 - Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 371 ± 2 và Ngang: 335 ± 2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 18.0 ± 2 và Ngang: 17.0 ± 2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): Dọc: -0.6 ± 0.5 và Ngang: -0.1 ± 0.5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 82.0 ± 2 và Rayon: 18.0 ± 2 Kaki thun, màu đen/ xanh đen - Khối lượng vải (g/m2): 255.0 ± 2 - Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 484 ± 2 và Ngang: 366 ± 2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 62.0 ± 2 và Ngang: 41.0 ± 2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): Dọc: -1.6 ± 0.5 và Ngang: -0.3 ± 0.5" - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 73.0 ± 2; Rayon: 24.0 ± 2 và Spandex: 3.0 ± 2	Bộ	10
8	Trang phục hộ lý nữ	* Mô tả: Theo thông tư của bộ y tế * Chất liệu: Áo: Kate ford; Quần: Kate ford * Màu sắc: Xanh Hòa Bình * Kích thước: Theo size Bệnh viện * Logo: In logo Bệnh viện Kate ford, màu xanh hòa bình	Bộ	4

STT	Tên hàng hóa	Quy cách, thông số và yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Khối lượng vải (g/m2): 153.0 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 431 ±2 và Ngang: 211 ±2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 37.0 ±2 và Ngang: 35.0 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): Dọc: -1.2 ±0.5 và Ngang: 0.0 ±0.5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 64.0 ±2 và Cotton: 36.0 ±2 Kate ford, màu xanh hòa bình - Khối lượng vải (g/m2): 153.0 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 431 ±2 và Ngang: 211 ±2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 37.0 ±2 và Ngang: 35.0 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): Dọc: -1.2 ±0.5 và Ngang: 0.0 ±0.5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 64.0 ±2 và Cotton: 36.0 ±2		
5	Trang phục hành chánh nam	* Mô tả: Theo thông tư của bộ y tế * Chất liệu: Áo: Kate Mỹ; Quần: Kaki thun * Màu sắc: Áo: Sọc trắng xanh - Quần: đen/ xanh đen * Kích thước: Theo size Bệnh viện Kate mỹ, sọc trắng xanh - Khối lượng vải (g/m2): 101.0 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 416 ±2 và Ngang: 281 ±2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 83.0 ±2 và Ngang: 36.0 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): Dọc: -0.5 ±0.5 và Ngang: -0.3 ±0.5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 65.0 ±2 và Cotton: 35.0 ±2 Kaki thun, màu đen/ xanh đen - Khối lượng vải (g/m2): 255.0 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 484 ±2 và Ngang: 366 ±2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 62.0 ±2 và Ngang: 41.0 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): Dọc: -1.6 ± 0.5 và Ngang: -0.3 ± 0.5" - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 73.0 ±2; Rayon: 24.0 ±2	Bộ	220

STT	Tên hàng hóa	Quy cách, thông số và yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		và Spandex: 3.0 ±2		
6	Trang phục hành chánh nữ	* Mô tả: Theo thông tư của bộ y tế * Chất liệu: Áo: Kate Mỹ; Quần: Kaki thun * Màu sắc: Áo: Sọc trắng xanh - Quần: đen/ xanh đen * Kích thước: Theo size Bệnh viện - Kate mỹ, sọc trắng xanh - Khối lượng vải (g/m2): 101.0 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 416 ±2 và Ngang: 281 ±2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 83.0 ±2 và Ngang: 36.0 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): Dọc: -0.5 ±0.5 và Ngang: -0.3 ±0.5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 65.0 ±2 và Cotton: 35.0 ±2 - Kaki thun, màu đen/ xanh đen - Khối lượng vải (g/m2): 255.0 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 484 ±2 và Ngang: 366 ±2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 62.0 ±2 và Ngang: 41.0 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): Dọc: -1.6 ± 0.5 và Ngang: -0.3 ± 0.5" - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 73.0 ±2; Rayon: 24.0 ±2 - và Spandex: 3.0 ±2	Bộ	239
10	Trang phục bệnh nhân	* Mô tả: Áo dài tay, Quần dây rút kiểu Pijama * Chất liệu: Kate mỹ * Màu sắc: Sọc trắng xanh * Kích thước: Theo size Bệnh viện * Logo: In logo Bệnh viện - Kate mỹ, sọc trắng xanh - Khối lượng vải (g/m2): 101.0 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 416 ±2 và Ngang: 281 ±2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 83.0 ±2 và Ngang: 36.0 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): Dọc: -0.5 ±0.5 và Ngang: -0.3	Bộ	80

STT	Tên hàng hóa	Quy cách, thông số và yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		± 0.5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 65.0 ± 2 và Cotton: 35.0 ± 2		
11	Drap giường	* Chất liệu: Kaki chéo 2/1 * Màu sắc: Trắng * Kích thước: 1.5m x 2.5m, 1 lớp (may nổi khổ) * Logo: In logo Bệnh viện Kaki chéo 2/1, trắng - Khối lượng vải (g/m ²): 228.0 ± 2 - Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 421 ± 2 và Ngang: 195 ± 2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 42.0 ± 2 và Ngang: 24.0 ± 2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): Dọc: -2.3 ± 0.5 và Ngang: -0.1 ± 0.5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 64.0 ± 2 và Cotton: 36.0 ± 2	Cái	300
12	Đồ mổ	* Mô tả: Áo cổ tim, chui đầu, quần kéo dây rút * Chất liệu: Kate ford * Màu sắc: Xanh két , không phai màu * Kích thước: Theo size Bệnh viện * Logo: In logo Bệnh viện Kate ford, Xanh két - Khối lượng vải (g/m ²): 163.0 ± 2 - Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 398 ± 2 và Ngang: 187 ± 2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 71.0 ± 2 và Ngang: 40.0 ± 2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): Dọc: -1.5 ± 0.5 và Ngang: -1.2 ± 0.5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 67.0 ± 2 và Cotton: 33.0 ± 2	Bộ	30
13	Drap giường (phòng mổ)	* Chất liệu: Kate ford * Màu sắc: Xanh két, không phai màu * Kích thước: 1.5m x 2.5m, 1 lớp (may nổi khổ) * Logo: In logo Bệnh viện Kate ford, Xanh két - Khối lượng vải (g/m ²): 163.0 ± 2	Cái	30

STT	Tên hàng hóa	Quy cách, thông số và yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 398 ± 2 và Ngang: 187 ± 2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 71.0 ± 2 và Ngang: 40.0 ± 2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): Dọc: -1.5 ± 0.5 và Ngang: -1.2 ± 0.5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 67.0 ± 2 và Cotton: 33.0 ± 2		
14	Săng lỗ (90 x 90cm, lỗ tròn 10cm)	* Chất liệu: Kate ford * Màu sắc: Xanh két , không phai màu * Kích thước: 90 x 90cm, lỗ tròn 10cm, may 1 lớp. * Logo: In logo Bệnh viện Kate ford, Xanh két - Khối lượng vải (g/m2): 163.0 ± 2 - Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 398 ± 2 và Ngang: 187 ± 2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 71.0 ± 2 và Ngang: 40.0 ± 2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): Dọc: -1.5 ± 0.5 và Ngang: -1.2 ± 0.5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 67.0 ± 2 và Cotton: 33.0 ± 2	Cái	5
15	Săng bụng PT lớn 2 lớp vải Ngang 2,5 m x Dài 3m (lỗ vuông 19cm x 19cm)	* Chất liệu: Kate ford * Màu sắc: Xanh két , không phai màu * Kích thước: May 2 lớp vải. Ngang 2,5 m x Dài 3m (lỗ vuông 19cm x 19cm) * Logo: In logo Bệnh viện Kate ford, Xanh két - Khối lượng vải (g/m2): 163.0 ± 2 - Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 398 ± 2 và Ngang: 187 ± 2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 71.0 ± 2 và Ngang: 40.0 ± 2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): Dọc: -1.5 ± 0.5 và Ngang: -1.2 ± 0.5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 67.0 ± 2 và Cotton: 33.0 ± 2	Cái	16
16	Áo bình oxy 130cm, ĐK : 70cm	* Chất liệu: Kate ford * Màu sắc: Xanh két , không phai màu * Kích thước: Cao 130cm, đường kính: 70cm * Logo: In logo Bệnh viện	Cái	5

STT	Tên hàng hóa	Quy cách, thông số và yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Kate ford, Xanh két - Khối lượng vải (g/m ²): 163.0 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 398 ±2 và Ngang: 187 ±2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 71.0 ±2 và Ngang: 40.0 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): Dọc: -1.5 ±0.5 và Ngang: -1.2 ±0.5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 67.0 ±2 và Cotton: 33.0 ±2		
17	Dây cố định bệnh nhân 2 lớp vải (Ngang 4cm x 150cm)	* Chất liệu: Kate ford * Màu sắc: Xanh két , không phai màu * Kích thước: Ngang 4cm x 150cm, may 2 lớp Kate ford, Xanh két - Khối lượng vải (g/m ²): 163.0 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 398 ±2 và Ngang: 187 ±2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 71.0 ±2 và Ngang: 40.0 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): Dọc: -1.5 ±0.5 và Ngang: -1.2 ±0.5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 67.0 ±2 và Cotton: 33.0 ±2	Sợi	30
18	Vải gói dụng cụ (90cm x 90cm)	* Chất liệu: Kate ford * Màu sắc: Xanh két , không phai màu * Kích thước: Ngang 4cm x 150cm, may 2 lớp Kate ford, Xanh két - Khối lượng vải (g/m ²): 163.0 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 398 ±2 và Ngang: 187 ±2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 71.0 ±2 và Ngang: 40.0 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): Dọc: -1.5 ±0.5 và Ngang: -1.2 ±0.5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 67.0 ±2 và Cotton: 33.0 ±2	Cái	30
19	Vải gói dụng cụ (160cm x 150cm)	* Chất liệu: Kate ford * Màu sắc: Xanh két , không phai màu * Kích thước: Ngang 4cm x 150cm, may 2 lớp Kate ford, Xanh két	Cái	30

STT	Tên hàng hóa	Quy cách, thông số và yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Khối lượng vải (g/m²): 163.0 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 398 ±2 và Ngang: 187 ±2 - Độ bền xé rách (N): Dọc: 71.0 ±2 và Ngang: 40.0 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): Dọc: -1.5 ±0.5 và Ngang: -1.2 ±0.5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 67.0 ±2 và Cotton: 33.0 ±2		